

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HIỆP  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 24/2021/DS-ST  
Ngày 28/5/2021  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

***Các hội thẩm nhân dân:*** Ông **Nguyễn Ngọc Chúc**

**Ông **Ngô Rô Be****

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:*** Ông  
**Nguyễn Trần Đức Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2020/TLST-DS ngày 09/10/2020 về vụ  
kiện “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
17/2021/QĐXXST-DS ngày 14/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số  
17/2021/QĐST – DS ngày 11/5/2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1956 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh G.

**\* Bị đơn:** Ông **Đỗ Văn Q**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:**

Trước đây ông Q có chơi hui do tôi làm chủ, hui 2.000.000 đồng, 3 tháng  
khui một lần, đây hui áp ngày đầu tiên là ngày 10/01/2011AL, trong đây hui này có  
21 người chơi và tổng cộng là 28 chân hui, ông Q chơi 03 chân, đây hui áp đến lần  
thứ 15 thì ông Q hốt 1 chân, lần thứ 16 ông Q hốt 1 chân, lần thứ 17 ông Q hốt 1

chân, sau khi ông Q hốt đủ 3 chân hui thì không đóng hui chết cho tôi, đây hui đã kết thúc vào tháng 01/2017AL, trong đây hui này người nào hốt hui thì đưa tiền đầu thảo cho tôi là 500.000 đồng, do ông Q không đóng hui chết nên tôi phải bỏ tiền của tôi để đóng cho ông Q. Khi ông Q đóng tiền hui cho tôi thì không có làm giấy tờ gì, khi hốt hui thì ông Q có viết tên vào sổ hui của tôi, khi ông Q không đóng tiền hui cho tôi, tôi có đến yêu cầu ông Q trả tiền nhiều lần nhưng ông Q chỉ hứa mà không trả. Đến ngày 21/12/2018 tôi có gửi đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết về việc ông Quý còn nợ của tôi 11 lần hui chết x 3 chân là 66.000.000 đồng, đến ngày 08/02/2019 tổ hòa giải của ấp T có mời ông quý lên giải quyết nhưng ông Q cho rằng không có khả năng trả nợ nên hòa giải không thành.

Nay tôi yêu cầu tòa án buộc ông Q trả cho tôi số tiền hui còn nợ là 66.000.000 đồng, yêu cầu trả đủ một lần, không yêu cầu tính lãi và tôi chỉ yêu cầu ông Q trả nợ cho tôi, không yêu cầu người nào khác cùng có trách nhiệm trả số tiền trên cho tôi.

\* Đối với bị đơn anh Đỗ Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:**  
Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm khoản 1 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc ông Đỗ Văn Q trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền hui còn thiếu là 66.000.000 đồng. Về án phí: ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Đỗ Văn Q với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh Q vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh Q vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Nguyễn Thị M và anh Đỗ Văn Q là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu của bà M yêu cầu anh Q trả cho bà M số tiền hội còn thiếu là 66.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà M đã cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy ghi những người chơi hội trong đó thể hiện việc ông Q có chơi 03 chân hội và khi ông Q hốt hội thì ông Q có viết tên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà M khẳng định chữ viết “Q” trong tờ giấy ghi những người chơi hội là chữ của ông Q, ngoài ra bà M còn cung cấp cho Tòa án bản gốc tờ tường trình ngày 21/12/2018 về việc ông Q nợ tiền hội của bà M 66.000.000 đồng và Biên bản hòa giải tại trụ sở ấp T ngày 08/02/2019 về việc ông Q còn nợ của bà M số tiền hội là 66.000.000 triệu đồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án đối với những người biết sự việc là ông Trịnh Hoàng T, ông Trần Văn T1 và ông Phạm Văn M (BL 48 đến BL 53) là thành viên tổ hòa giải đều cho rằng trong buổi hòa giải ông Q cho rằng còn nợ bà M số tiền hội là 66.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả nợ cho bà M. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phía ông Q, trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập hợp lệ, nhưng ông Q không tham dự và cũng không có ý kiến gì, không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án, cũng như không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do bà M cung cấp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền tổng cộng là 66.000.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Các đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc

Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 66.000.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu đồng*)

Án phí tính như sau: 66.000.000 đồng x 5% = 3.300.000 đồng.

- Yêu cầu của bà M được chấp nhận nên bà M không phải chịu tiền án phí.  
Trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí là 1.650.000 đồng (*Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007977 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Đỗ Văn Q phải nộp 3.300.000 đồng (*Ba triệu ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 351, 471, 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 về hội, họ, biểu, phường.

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M

**2.** Buộc ông Đỗ Văn Q trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 66.000.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3.** Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí là 1.650.000 đồng (*Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007977 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Đỗ Văn Q phải nộp 3.300.000 đồng (*Ba triệu ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Đỗ Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THA huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Ngọc Ái**